

Số 111/2020\_ASP-SGDCK\_BCTC

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu BCTC theo quý so với báo cáo năm 2019 đã kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/3/2020.

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

Căn cứ báo cáo tài chính quý 4/2019 và số liệu lũy kế 4 quý năm 2019 của Công ty CP Tập đoàn dầu khí An Pha (ASP) và Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty CP Tập đoàn dầu khí An Pha đã có một số chỉ tiêu chênh lệch như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2019 theo quý	Số liệu năm 2019 đã kiểm toán	Chênh lệch (VNĐ)
	1	2	3=2-1
1 Chỉ tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế	42.689.863.586	40.533.097.109	(2.156.766.477)
2 Chỉ tiêu thuế thu nhập hiện hành	6.475.442.012	6.104.410.032	(371.031.980)
3 Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	36.214.421.574	34.428.687.077	(1.785.734.497)

**Nguyên nhân:**

Trong năm 2019 Công ty đã nhận chuyển nhượng Cổ phần, phần góp vốn một số Công ty, những Công ty này trở thành Công ty con, Công ty liên kết của ASP.

Vào thời điểm lập BCTC quý 4/2019 một số Công ty con này chưa lập BCTC năm 2019 nên khi lập BCTC Công ty ASP mẹ quý 4/2019 chưa ghi nhận đầy đủ một số thông tin về các giao dịch nội bộ như doanh thu, chi phí, trích lập dự phòng... dẫn tới có sự khác biệt một số chỉ tiêu trên.

Trân trọng.

**CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN MINH LOAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 41

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 5 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: ASP.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên
	Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
	Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
	Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12/04/2019)
	Ông Jimba Kentaro	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12/04/2019)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
	Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Minh Loan**  
**Tổng Giám đốc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

Số: 380/2020/BCKT-BCTCR/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Phan Thanh Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

**Phan Thị Xuân Diệu**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2742-2020-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>364.413.249.640</b>	<b>232.641.135.776</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.973.284.742</b>	<b>21.881.662.062</b>
1. Tiền	111		4.973.284.742	21.881.662.062
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>554.334.958</b>	<b>29.533.338.057</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		554.334.958	29.533.338.057
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>342.331.784.085</b>	<b>175.042.456.575</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	312.258.695.472	160.476.944.998
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.050.984.364	9.197.458.264
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	11.000.000.000	400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	11.322.104.249	6.268.053.313
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>10.967.598.388</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		10.967.598.388	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.586.247.467</b>	<b>6.183.679.082</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	5.450.623.246	607.039.707
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		135.624.221	5.576.639.375
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>901.310.712.817</b>	<b>804.849.390.406</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>38.244.449.558</b>	<b>313.081.989.558</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	18.337.320.000	285.502.320.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	19.907.129.558	27.579.669.558
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.667.498.208</b>	<b>6.860.573.428</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.667.498.208	6.860.573.428
- Nguyên giá	222		7.864.940.000	7.864.940.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.197.441.792)	(1.004.366.572)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>791.027.591.291</b>	<b>409.684.787.135</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		777.372.076.007	354.292.952.234
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.952.715.625	88.752.715.625
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(27.297.200.341)	(33.360.880.724)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	25.000.000.000	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>66.371.173.760</b>	<b>75.222.040.285</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	66.371.173.760	75.222.040.285
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.265.723.962.457</b>	<b>1.037.490.526.182</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>788.460.220.405</b>	<b>575.985.700.207</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>579.480.220.405</b>	<b>320.400.700.207</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	164.890.269.029	65.091.829.563
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		461.142	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	6.298.116.392	232.278.113
4. Phải trả người lao động	314		286.490.674	273.153.526
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	3.520.261.140	3.087.735.856
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.535.200.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	54.061.275.886	1.099.842.075
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	345.869.272.234	250.596.987.166
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>208.980.000.000</b>	<b>255.585.000.000</b>
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	208.980.000.000	255.585.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>477.263.742.052</b>	<b>461.504.825.975</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>477.263.742.052</b>	<b>461.504.825.975</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.128.443.836	86.369.527.759
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		67.699.756.759	57.368.517.549
- LNST chưa phân phối kì này	421b		34.428.687.077	29.001.010.210
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.265.723.962.457</b>	<b>1.037.490.526.182</b>

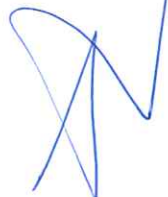
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.399.400.841.906	865.910.403.473
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	1.399.400.841.906	865.910.403.473
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.332.654.367.930	825.977.322.488
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>66.746.473.976</b>	<b>39.933.080.985</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	22.209.934.191	78.406.656.532
7. Chi phí tài chính	22	5.20	19.225.495.129	60.207.897.936
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.907.165.604</i>	<i>16.289.488.170</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	7.428.989.657	6.601.133.183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	21.777.266.272	21.163.598.749
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>40.524.657.109</b>	<b>30.367.107.649</b>
11. Thu nhập khác	31	5.23	8.440.000	74.542.573
12. Chi phí khác	32	5.23	-	581.807.819
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>8.440.000</b>	<b>(507.265.246)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>40.533.097.109</b>	<b>29.859.842.403</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	6.104.410.032	858.832.193
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>34.428.687.077</b>	<b>29.001.010.210</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	40.533.097.109	29.859.842.403
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	1.193.075.220	1.004.366.572
- Hoàn nhập dự phòng	3	(6.063.680.383)	33.360.880.724
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	123.497.160	5.658.047.156
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(21.739.551.757)	(77.829.491.830)
- Chi phí lãi vay	6	21.907.165.604	16.289.488.170
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	35.953.602.953	8.343.133.195
- Biến động các khoản phải thu	9	(141.978.219.794)	50.295.645.396
- Biến động hàng tồn kho	10	(10.967.598.388)	732.714.274
- Biến động các khoản phải trả	11	156.961.802.654	(45.696.126.416)
- Biến động chi phí trả trước	12	4.007.282.986	(24.863.134.028)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(21.474.640.320)	(15.254.234.685)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.584.438.523)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	22.502.230.091	(28.026.440.787)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(7.864.940.000)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(125.191.000.000)	(177.037.300.039)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	385.756.000.000	255.657.846.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(356.279.123.773)	(108.531.121.007)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.069.057.244	74.641.104.760
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(69.645.066.529)	36.865.589.714
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	832.110.673.571	668.771.902.898
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(783.258.388.503)	(643.927.346.191)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.617.825.950)	(22.323.110.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	30.234.459.118	2.521.446.307
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	(16.908.377.320)	11.360.595.234
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.881.662.062	10.521.066.828
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.973.284.742	21.881.662.062

Người lập

Lại Văn Tú

Kế toán trưởng

Lại Văn Tú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B 09-DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 5 năm 2015.

Sở hữu vốn:

Đối tượng góp vốn	Số đã thực góp	Tỷ lệ đã góp (%)
	đến 31/12/2019 VND	
<b>I. Các cổ đông</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>100,00%</b>
<b>Các cổ đông lớn</b>	<b>201.865.260.000</b>	<b>54,06%</b>
1 Công ty Saisan	179.984.260.000	48,20%
2 Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	5,86%
<b>Các cổ đông nhỏ</b>	<b>171.534.030.000</b>	<b>45,94%</b>
1 Ông Nguyễn Hồng Hiệp	4.674.000.000	1,25%
2 Các cổ đông khác	166.860.030.000	44,69%
<b>Tổng</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động bình quân trong năm 2019 là 14 người (năm 2018: 10 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm: Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt; Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển; Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở); Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí; Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy; Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng; Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm); Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải; Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện); Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán phương tiện vận tải; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2019: Mua bán, nhập khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

1.3. **Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

**Các Công ty con trực tiếp:**

- Tên công ty	:	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định
- Địa chỉ	:	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	100%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha
- Địa chỉ	:	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	98,57%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	98,57%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ Phần MT Gas
- Địa chỉ	:	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	67,56 %
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	67,56 %
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Đức Hải
- Địa chỉ	:	Tổ 92, lô 8 A1.1, Hòa Minh, phường Hòa Minh Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	80,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	80,00%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thân
- Địa chỉ	:	Số 4 phố Tôn Đức Thắng, phường Cát Linh Quận Đống Đa, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	80,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	100,00%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH TM DV Minh Thảo
- Địa chỉ	:	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	97,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	97,99%

**Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)**

- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Khí đốt Gia Định
- Địa chỉ	:	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,94%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,94%
- Tên Công ty	:	Công ty CP Thương mại Gas Bình Minh
- Địa chỉ	:	10-12 Đường số 2, Phường 4, Quận 4, TP. HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%
- Tên Công ty	:	Công ty CP Nam Gas
- Địa chỉ	:	40/18 Ấp Bắc, phường 13, quận Tân Bình, Tp.HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

### 1.3. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

- |                                   |   |   |
|-----------------------------------|---|---|
| - Tên Công ty                     | : | Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn  |
| - Địa chỉ                         | : | Xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.                   |
| - Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ        | : | 100 %   |
| - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : | 100 %   |
| - Tên Công ty                     | : | Công ty TNHH MTV Minh Gia   |
| - Địa chỉ                         | : | Ô 19, Lô B6, KDC Thuận Giao, ấp Bình Thuận 2 huyện Thuận An, Bình Dương |
| - Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ        | : | 100%  |
| - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : | 100%  |

#### Danh sách các Công ty liên kết:

- |                                   |   |   |
|-----------------------------------|---|---|
| - Tên Công ty                     | : | Công ty TNHH Bình khí Hong Vina   |
| - Địa chỉ                         | : | 295/71 An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh                   |
| - Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ        | : | 35%   |
| - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : | 35%   |
| - Tên Công ty                     | : | Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang  |
| - Địa chỉ                         | : | Số 34 A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội    |
| - Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ        | : | 49,00%  |
| - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : | 49,00%  |
| - Tên Công ty                     | : | Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát                              |
| - Địa chỉ                         | : | Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Nghệ An                                 |
| - Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ        | : | 49,00%  |
| - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : | 49,00%  |
| - Tên Công ty                     | : | Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh thương mại Thành Đạt                 |
| - Địa chỉ                         | : | Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội |
| - Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ        | : | 49,00%  |
| - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : | 49,00%  |

### 1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2019

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

<b>Thời điểm</b>	<b>Ngân hàng</b>	<b>Tỷ giá bán ra</b>
31/12/2019	Ngân hàng Mizuho - Chi nhánh Hồ Chí Minh	23.220 VND/USD

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản đầu tư Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con, công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty với Công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013; thông tư 147/2016 /TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC và thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC và và thông tư 147/2016/TT-BTC.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

*b. Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

Thiết bị, dụng cụ quản lý  
Máy móc, thiết bị

Năm 2019  
Thời gian khấu hao (Năm)  
04  
07

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong năm, có 0 đồng (năm 2018: 0 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay..

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	24.427.698	41.079.384
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.948.857.044	21.840.582.678
<b>Tổng</b>	<b>4.973.284.742</b>	<b>21.881.662.062</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.2 Đầu tư chứng khoán đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	554.334.958	554.334.958	29.533.338.057	29.533.338.057
<b>Dài hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>25.554.334.958</b>	<b>25.554.334.958</b>	<b>29.533.338.057</b>	<b>29.533.338.057</b>

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn vào các ngân hàng thương mại từ 3 đến 12 tháng với lãi suất từ 6,5%/năm – 6,6%/năm.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn với thời hạn 13 tháng, lãi suất 7,1%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>312.258.695.472</b>	<b>160.476.944.998</b>
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	160.865.529.215	122.695.075.763
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	95.701.978.433	-
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	26.786.861.727	-
Công ty CP Kinh Doanh Và XNK Khí Gas Hóa	-	5.057.425.899
Lông Vạn Lộc	-	-
Công ty Cổ phần MT Gas	18.701.900.933	32.724.443.336
Phải thu của các khách hàng khác	10.202.425.164	-
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>312.258.695.472</b>	<b>160.476.944.998</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>275.269.408.581</b>	<b>155.419.519.099</b>
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	160.865.529.215	122.695.075.763
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	95.701.978.433	-
Công ty Cổ phần MT Gas	18.701.900.933	32.724.443.336
<b>Tổng</b>	<b>275.269.408.581</b>	<b>155.419.519.099</b>

**5.4 Phải thu cho vay**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Phải thu cho vay ngắn hạn</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
Ông Nguyễn Thế Giáp (1)	2.600.000.000	-
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha (2)	8.000.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Minh Nghệ	200.000.000	200.000.000
Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Đình	200.000.000	200.000.000
<b>b) Phải thu cho vay dài hạn</b>	<b>18.337.320.000</b>	<b>285.502.320.000</b>
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	-	267.165.000.000
Công ty CP SX TM Và KD Thành Đạt (3)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (4)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Tân Đại Phát (5)	8.217.320.000	8.217.320.000
<b>Tổng</b>	<b>29.337.320.000</b>	<b>285.902.320.000</b>

(1) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 đồng. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng.

(2) Khoản cho Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha vay theo hợp đồng số 01/HĐVT/ASP-APH/2019 ngày 23/12/2019 với số tiền là 8.000.000.000 đồng. Lãi suất 6,5%. Thời hạn vay từ ngày 24/12/2019 đến hết ngày 23/01/2020.

(3) Khoản cho Công ty Cổ Phần SX TM và KD Thành Đạt vay theo hợp đồng số 02 VAY-ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 5.520.000.000 đồng. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay ngày 10 năm. Đây là khoản vay không có tài sản thế chấp, thay vào đó là quyền được tham gia điều hành Công ty Cổ Phần SX TM và KD Thành Đạt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.4 Phải thu cho vay (Tiếp theo)**

(4) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo hợp đồng số 01 VAY- ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 4.600.000.000 đồng. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay ngày 10 năm. Đây là khoản vay không có tài sản thế chấp, thay vào đó là quyền được tham gia điều hành Công ty TNHH Vinh Quang.

(5) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo hợp đồng số 03 VAY- ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 8.217.320.000 đồng. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay ngày 10 năm. Đây là khoản vay không có tài sản thế chấp, thay vào đó là quyền được tham gia điều hành Công ty TNHH Tân Đại Phát.

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.322.104.249</b>	<b>-</b>	<b>6.268.053.313</b>	<b>-</b>
- Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	5.600.000.000	-	-	-
- Phải thu lãi cho vay Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	-	-	3.440.491.500	-
- Phải thu ông Lại Văn Tú [1]	400.000.000	-	400.000.000	-
- Phải thu thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	3.038.304.479	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	107.183.986	-	596.197.973	-
- Phải thu ông Phạm Huy Hoàng [2]	213.360.000	-	213.360.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.140.500.000	-	1.440.500.000	-
- Tạm ứng	822.735.784	-	77.503.840	-
- Phải thu khác	20.000	-	100.000.000	-
- Phải thu Ông Trần Minh Loan (*)	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>19.907.129.558</b>	<b>-</b>	<b>27.579.669.558</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	2.998.982.000	-	498.982.000	-
- Phải thu Ông Trần Minh Loan [3]	9.443.147.558	-	14.443.187.558	-
- Phải thu Ông Trần Quốc Bửu [4]	2.685.000.000	-	3.185.000.000	-
- Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa [5]	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
- Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	-	-	4.672.500.000	-
<b>Tổng</b>	<b>31.229.233.807</b>	<b>-</b>	<b>33.847.722.871</b>	<b>-</b>

[1] Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty TNHH TM DV Minh Thảo.

[2] Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Phạm Huy Hoàng thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát.

[3] Căn cứ Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 2b/QĐ-ASP/2015 ngày 30/6/2015, chuyển toàn bộ khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Xăng dầu An Pha thành khoản nợ phải thu dài hạn Ông Trần Minh Loan. Trong năm, Công ty thực hiện giảm nợ với số tiền là 5.000.040.000 đồng theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 19/10/2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)**

[4] Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25 tháng 12 năm 2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

[5] Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

**5.6 Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
+ Công ty CP Công Nghệ An Toàn Dầu Khí Việt Nam	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
<i>Trong đó:</i>				
				<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
+ Công ty CP Công Nghệ An Toàn Dầu Khí Việt Nam				1.300.000.000

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	10.967.598.388	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>10.967.598.388</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.8 Chi phí trả trước**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tại ngày 01 tháng 01	75.829.079.992	50.965.945.964
Tăng trong năm	14.381.521.304	42.108.537.184
Phân bổ vào chi phí trong năm	18.388.804.290	17.245.403.156
Tại ngày 31 tháng 12	<b>71.821.797.006</b>	<b>75.829.079.992</b>

**Chi tiết chi phí trả trước**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.450.623.246</b>	<b>607.039.707</b>
- Chi phí bảo lãnh phát hành	424.740.712	43.531.988
- Chi phí sửa chữa	459.017.708	527.629.255
- Chi phí thuê	3.544.229.000	-
- Chi phí khác	1.022.635.826	35.878.464
<b>b) Dài hạn</b>	<b>66.371.173.760</b>	<b>75.222.040.285</b>
- Chi phí mua vỏ chai LPG	65.163.298.761	72.403.665.285
- Chi phí khác	1.207.874.999	2.818.375.000
<b>Tổng</b>	<b>71.821.797.006</b>	<b>75.829.079.992</b>

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2019	7.500.000.000	364.940.000	7.864.940.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<b>7.500.000.000</b>	<b>364.940.000</b>	<b>7.864.940.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2019	892.857.130	111.509.442	1.004.366.572
Tăng trong năm	1.071.428.556	121.646.664	1.193.075.220
Khấu hao trong năm	1.071.428.556	121.646.664	1.193.075.220
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<b>1.964.285.686</b>	<b>233.156.106</b>	<b>2.197.441.792</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2019	<b>6.607.142.870</b>	<b>253.430.558</b>	<b>6.860.573.428</b>
Tại ngày 31/12/2019	<b>5.535.714.314</b>	<b>131.783.894</b>	<b>5.667.498.208</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)		Dự phòng	Dự phòng
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý (*)	Giá gốc	Giá hợp lý (*)		
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			777.372.076.007	129.251.840.307	(27.297.200.341)	18.484.370.283	(17.160.880.724)	
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	98,57%	98,57%	142.307.241.235	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	100%	100%	443.340.459.992	-	-	-	-	-
Công ty Cổ Phần MT Gas	67,19%	67,19%	35.699.374.780	19.451.840.307	(16.247.534.473)	18.484.370.283	(17.160.880.724)	
Công ty Cổ Phần Ngọn Lửa Thần	80%	100%	126.000.000.000	109.800.000.000	(9.986.741.975)	-	-	-
Công ty TNHH Đức Hải	80%	80%	6.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty TNHH DV TM Minh Thảo	97,99%	97,99%	24.025.000.000	-	(1.062.923.893)	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>			15.952.715.625	-	-	43.800.000.000	(16.200.000.000)	
Công ty TNHH DV TM Minh Thảo			-	-	-	9.800.000.000	-	-
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	35,00%	35,00%	10.725.395.625	-	-	10.725.395.625	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	-	-	1.470.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	-	-	2.385.320.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	49,00%	49,00%	1.372.000.000	-	-	1.372.000.000	-	-
Công ty TNHH Đức Hải			-	-	-	3.000.000.000	-	-
Công ty Cổ Phần Ngọn Lửa Thần			-	-	-	60.000.000.000	(16.200.000.000)	
<b>Tổng</b>			<b>793.324.791.632</b>	<b>129.251.840.307</b>	<b>(27.297.200.341)</b>	<b>62.284.370.283</b>	<b>(33.360.880.724)</b>	

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>164.890.269.029</b>	<b>164.890.269.029</b>	<b>65.091.829.563</b>	<b>65.091.829.563</b>
Công ty cổ phần kinh doanh Khí Miền Bắc	-	-	12.295.170.738	12.295.170.738
Công ty CP Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	70.418.411.807	70.418.411.807	2.343.517.712	2.343.517.712
Pit International Trading Pte. Ltd.	23.098.501.350	23.098.501.350	49.976.067.166	49.976.067.166
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	32.158.614.804	32.158.614.804	-	-
Bao Thanh Energy Company Limited	2.897.856.000	2.897.856.000	-	-
PNX Petroleum Singapore Pte., Ltd	28.646.514.000	28.646.514.000	-	-
E1 Corporation	6.287.283.812	6.287.283.812	-	-
Các đối tượng khác	1.383.087.256	1.383.087.256	477.073.947	477.073.947
<b>b. Dài hạn</b>				
<b>Tổng</b>	<b>164.890.269.029</b>	<b>164.890.269.029</b>	<b>65.091.829.563</b>	<b>65.091.829.563</b>
<b>Trong đó:</b>				
<b>c. Phải trả các bên liên quan</b>	<b>113.909.805</b>	<b>113.909.805</b>	-	-
Công ty Cổ Phần MTGas	113.909.805	113.909.805	-	-

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
<b>Phải nộp</b>	<b>232.278.113</b>	<b>74.559.262.737</b>	<b>68.493.424.458</b>	<b>6.298.116.392</b>
Thuế GTGT	-	45.011.828.711	45.011.828.711	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	21.434.204.148	21.434.204.148	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.104.410.032	-	6.104.410.032
Thuế thu nhập cá nhân	232.278.113	1.407.145.551	1.445.717.304	193.706.360
Các loại thuế khác	-	601.674.295	601.674.295	-
<b>Phải thu</b>	-	-	-	-

**5.13 Chi phí phải trả**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.520.261.140</b>	<b>3.087.735.856</b>
Chi phí lãi vay	3.520.261.140	3.087.735.856
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>3.520.261.140</b>	<b>3.087.735.856</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.14 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>54.061.275.886</b>	<b>1.099.842.075</b>
Kinh phí công đoàn	4.035.970	14.192.406
Bảo hiểm xã hội	-	7.360.082
Bảo hiểm y tế	-	1.044.385
Bảo hiểm thất nghiệp	-	464.393
Phải trả Ngân hàng Mizuho Bank; Ltd (*)	52.924.823.782	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	802.464.399	750.519.349
Các khoản phải trả, phải nộp khác	329.951.735	326.261.460
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>54.061.275.886</b>	<b>1.099.842.075</b>

(\*) Phải trả theo các thông báo thanh toán thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay (hoặc điều khoản trả sớm) của Ngân hàng Mizuho Bank; Ltd .

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính***Đơn vị tính: VND*

	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu kỳ		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Giảm trong năm	
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>345.869.272.234</b>	<b>345.869.272.234</b>	<b>832.065.673.571</b>	<b>736.793.388.503</b>	<b>250.596.987.166</b>	<b>250.596.987.166</b>	
Ngân hàng Mizuho - Chi nhánh Hồ Chí Minh [1]	40.307.292.941	40.307.292.941	199.432.123.682	238.990.962.157	79.866.131.416	79.866.131.416	
Tokyo - Mitsubishi Bank Chi nhánh Hồ Chí Minh [2]	184.543.117.839	184.543.117.839	393.055.630.033	300.505.769.702	91.993.257.508	91.993.257.508	
BangKok Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh [3]	51.358.861.454	51.358.861.454	169.122.919.856	156.501.656.644	38.737.598.242	38.737.598.242	
Công ty SaiSan [4]	69.660.000.000	69.660.000.000	70.455.000.000	795.000.000	-	-	
Ông Trần Quốc Bửu	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	
Ông Nguyễn Minh Thông	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>208.980.000.000</b>	<b>208.980.000.000</b>	<b>2.560.000.000</b>	<b>49.165.000.000</b>	<b>255.585.000.000</b>	<b>255.585.000.000</b>	
Công ty SaiSan [5]	208.980.000.000	208.980.000.000	2.560.000.000	49.165.000.000	255.585.000.000	255.585.000.000	
<b>Tổng</b>	<b>554.849.272.234</b>	<b>554.849.272.234</b>	<b>834.625.673.571</b>	<b>785.958.388.503</b>	<b>506.181.987.166</b>	<b>506.181.987.166</b>	

[1] Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/05/2019:

- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 10.500.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh.

- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động

- Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.

- Ngày hết hạn giải ngân: 25/03/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.

- Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Ngày 27/08/2019, Công ty CP Tập đoàn Dầu khí Alpha và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ký thư thông báo phê duyệt hạn mức. Hạn mức giao dịch mua, bán ngoại tệ là 3.700.000 USD, không yêu cầu bảo lãnh.

[2] Hợp Đồng chung về các giao dịch tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19 được ký giữa Công ty và Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 12.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
- Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
- Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2019 đến ngày 15/03/2020.
- Lãi suất : 0,5%/ năm trên chi phí vốn của ngân hàng.
- Phí phát hành thư bảo lãnh : 1% một năm ( tính theo số tháng của kỳ bảo lãnh) tối thiểu 520.000 VND.
- Tài sản đảm bảo: Thư bảo lãnh được cấp bởi Saisan Co., Ltd.

[3] Công ty ngân hàng Bangkok ngày 17 tháng 07 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD. Lãi suất: Chi phí vốn + 0,5% một năm, được tính và trả vào mỗi tháng. Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.Lãi suất phát đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/ năm.

Phụ kiện hợp đồng vay vốn số 01 (hợp đồng vay vốn số CP/HCM/007-17) ngày 24/12/2019 của Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - CN HCM. Hạn mức tín dụng tổng hợp là 13.000.000 USD. Lãi suất: Chi phí vốn + 0,5% một năm. Điều kiện bảo đảm điều chỉnh: Thay thế thư tín dụng dự phòng hiện tại bằng thư tín dụng dự phòng mới do Saitama Resona Bank Limited phát hành cho ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH, CN HCM trị giá 13.000.000 USD. Thư tín dụng dự phòng phải được gia hạn hàng năm.

[4] Hợp đồng vay ngân hạn ngày 22/3/2019, số tiền vay là 3.000.000 USD, lãi suất 3%/năm. Ngày đáo hạn là 21 tháng 02 năm 2020, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, không yêu cầu tài sản đảm bảo.

[5] Công ty vay Công ty Saisan theo các hợp đồng vay vốn:

- Vay dài hạn của Công ty Saisan theo hợp đồng vay ngày 03/01/2017. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/08/2017. Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 30/10/2017. Số tiền vay là 6.000.000 USD, lãi suất 2%/năm. Thời hạn trả lãi: 6 tháng 1 lần. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: đến 25/12/2024, không yêu cầu tài sản đảm bảo.
- Khoản vay dài hạn được điều chỉnh theo phụ lục 1 ngày 05/10/2018 từ khoản vay ngân hạn của Công ty Saisan theo hợp đồng ngày 20/09/2017. Số tiền vay là 5.000.000 USD, lãi suất tiền vay tăng lên 3%/năm tính từ ngày 05/10/2018. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: đến 11/03/2023, không yêu cầu tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	79.772.242.749	454.907.540.965
Tăng trong năm	-	-	-	-	29.001.010.210	29.001.010.210
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	29.001.010.210	29.001.010.210
Giảm trong năm	-	-	-	-	22.403.725.200	22.403.725.200
Chia cổ tức	-	-	-	-	22.403.725.200	22.403.725.200
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>1.433.420.000</b>	<b>(3.639.900)</b>	<b>306.228.116</b>	<b>86.369.527.759</b>	<b>461.504.825.975</b>
Số dư tại 01/01/2019	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	86.369.527.759	461.504.825.975
Tăng trong năm	-	-	-	-	34.428.687.077	34.428.687.077
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	34.428.687.077	34.428.687.077
Giảm trong năm	-	-	-	-	18.669.771.000	18.669.771.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	18.669.771.000	18.669.771.000
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>1.433.420.000</b>	<b>(3.639.900)</b>	<b>306.228.116</b>	<b>102.128.443.836</b>	<b>477.263.742.052</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 02 tháng 4 năm 2019. Chia cổ tức năm 2018: 500đ/ cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.669.771.000	22.403.725.200

## c. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>37.339.929</b>	<b>37.339.929</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>387</b>	<b>387</b>
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>37.339.542</b>	<b>37.339.542</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

## d. Các quỹ của Công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
<b>Tổng</b>	<b>306.228.116</b>	<b>306.228.116</b>

**5.17 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán LPG	1.388.321.949.933	856.405.324.309
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	8.353.873.800	7.568.203.050
Doanh thu cho thuê kho, trạm nạp LPG	2.725.018.173	1.927.272.720
Doanh thu dịch vụ khác	-	9.603.394
<b>Tổng</b>	<b>1.399.400.841.906</b>	<b>865.910.403.473</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán LPG	1.322.234.437.263	816.983.136.553
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	7.240.366.524	7.026.147.264
Giá vốn cho thuê kho, trạm nạp LPG	3.179.564.143	1.968.038.671
<b>Tổng</b>	<b>1.332.654.367.930</b>	<b>825.977.322.488</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.139.551.757	22.829.491.830
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.600.000.000	55.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	470.382.434	319.929.702
Doanh thu tài chính khác	-	257.235.000
<b>Tổng</b>	<b>22.209.934.191</b>	<b>78.406.656.532</b>

**5.20 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	21.907.165.604	16.289.488.170
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.892.706.888	9.131.400.460
Dự phòng tổn thất đầu tư	(6.063.680.383)	33.360.880.724
Chi phí tài chính khác	1.489.303.020	1.426.128.582
<b>Tổng</b>	<b>19.225.495.129</b>	<b>60.207.897.936</b>

**5.21 Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.428.989.657	6.601.133.183
<b>Tổng</b>	<b>7.428.989.657</b>	<b>6.601.133.183</b>

**5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.357.835.832	5.824.315.859
Chi phí vật liệu quản lý	113.963.123	154.746.916
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.744.927	85.251.357
Chi phí khấu hao TSCĐ	121.646.664	111.509.442
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	3.500.000
Chi phí xử lý công nợ phải thu ông Trần Minh Loan	5.000.040.000	5.000.040.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.755.121.697	4.504.138.516
Chi phí bằng tiền khác	6.383.914.029	5.480.096.659
<b>Tổng</b>	<b>21.777.266.272</b>	<b>21.163.598.749</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.23 Thu nhập/ chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản khác	8.440.000	74.542.573
<b>Tổng</b>	<b>8.440.000</b>	<b>74.542.573</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản bị phạt	-	581.807.819
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>581.807.819</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>8.440.000</b>	<b>(507.265.246,00)</b>

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>1.1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>40.533.097.109</b>	<b>29.859.842.403</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>10.588.953.053</i>	<i>12.755.900.845</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>10.588.953.053</i>	<i>12.755.900.845</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>20.600.000.000</i>	<i>55.000.000.000</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>20.600.000.000</i>	<i>55.000.000.000</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>30.522.050.162</b>	<b>(12.384.256.752)</b>
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.104.410.032</b>	<b>-</b>
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	858.832.193
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.104.410.032</b>	<b>858.832.193</b>

**5.24 Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.963.123	154.746.916
Chi phí nhân công	6.357.835.832	5.824.315.859
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.193.075.220	1.004.366.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.989.046.941	12.180.453.240
Chi phí khác bằng tiền	22.307.465.480	17.595.035.280
<b>Tổng</b>	<b>42.961.386.596</b>	<b>36.758.917.867</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.179.605.824	3.270.253.771
Giao dịch các bên liên quan			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con	-	18.178.351.873
Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha	Công ty con	15.000.000.000	-
	Lãi cho vay		
	Cổ tức		
	Lãi cho vay	13.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội Dung</b>	<b>Năm 2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con	Bán hàng hóa Cho thuê bồn, chai, trạm nạp Nhận chuyển nhượng trạm nạp khí Nhận chuyển nhượng bồn chứa khí	860.526.068.546 15.614.091.973 - -	576.460.773.368 9.013.201.020 2.800.000.000 4.700.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha	Công ty con	Bán hàng hóa Thuê bồn chứa LPG	99.312.461.314 1.423.730.533	43.110.574.131 585.879.001
Công ty Cổ phần MTGas	Công ty con	Bán hàng hóa Thuê kho LPG	130.245.508.536 746.206.769	81.104.782.052 43.018.094
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Nhập vỏ bình gas	-	26.999.504.000
Công ty Saisan	Cổ đông lớn	Vay Phí bảo hiểm Phí bảo lãnh tín dụng Chi phí khác	222.244.427 671.564.920 206.837.234	- 461.899.500 225.383.888 -

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư phải thu và phải trả các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con	Phải thu khách hàng	160.865.529.215	122.695.075.763
		Phải thu cho vay	-	267.165.000.000
		Phải thu lãi cho vay	-	3.440.491.500
Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha	Công ty con	Phải thu khách hàng	95.701.978.433	-
		Phải thu cho vay	8.000.000.000	-
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Trả trước người bán	-	149.650.900
		Phải thu cổ tức	5.600.000.000	-
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con	Phải thu khách hàng	18.701.900.933	32.724.443.336
		Phải trả người bán	113.909.805	-
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	Phải thu khác	9.443.147.558	14.443.187.558
Công ty CP SX TM Và KD Thành Đạt	Công ty liên kết	Phải thu cho vay	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết	Phải thu cho vay	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Phải thu cho vay	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty Saisan	Cổ đông lớn	Khoản vay phải trả	278.640.000.000	261.085.000.000

Mẫu B 09-DN



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.973.284.742	21.881.662.062
Phải thu khách hàng và phải thu khác	372.002.513.495	480.149.484.029
Đầu tư tài chính ngắn hạn	554.334.958	29.533.338.057
<b>Tổng</b>	<b>377.530.133.195</b>	<b>531.564.484.148</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	554.849.272.234	506.181.987.166
Phải trả người bán và phải trả khác	218.951.544.915	66.191.671.638
Chi phí phải trả	3.520.261.140	3.087.735.856
<b>Tổng</b>	<b>777.321.078.289</b>	<b>575.461.394.660</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro về giá**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)****Công nợ tài chính**

Tại 31/12/2019	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	218.951.544.915	-	218.951.544.915
Chi phí phải trả	3.520.261.140	-	3.520.261.140
Các khoản vay	345.869.272.234	208.980.000.000	554.849.272.234
<b>Tổng</b>	<b>568.341.078.289</b>	<b>208.980.000.000</b>	<b>777.321.078.289</b>

Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	66.191.671.638	-	66.191.671.638
Chi phí phải trả	3.087.735.856	-	3.087.735.856
Các khoản vay	250.596.987.166	255.585.000.000	506.181.987.166
<b>Tổng</b>	<b>319.876.394.660</b>	<b>255.585.000.000</b>	<b>575.461.394.660</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**Tài sản tài chính**

Tại 31/12/2019	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.973.284.742	-	4.973.284.742
Phải thu khách hàng và phải thu khác	333.758.063.937	38.244.449.558	372.002.513.495
Đầu tư tài chính ngắn hạn	554.334.958	-	554.334.958
<b>Tổng</b>	<b>339.285.683.637</b>	<b>38.244.449.558</b>	<b>377.530.133.195</b>

Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.881.662.062	-	21.881.662.062
Phải thu khách hàng và phải thu khác	167.067.494.471	313.081.989.558	480.149.484.029
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.533.338.057	-	29.533.338.057
<b>Tổng</b>	<b>218.482.494.590</b>	<b>313.081.989.558</b>	<b>531.564.484.148</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.3 Thông tin so sánh**

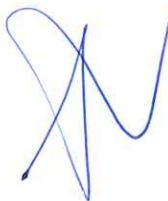
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network kiểm toán với ý kiến chấp nhận toan phần.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Lại Văn Tú**

**Lại Văn Tú**

**Trần Minh Loan**

